

TẠO ĐỘNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO GIÁNG VIÊN TRẺ GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Nguyễn Quốc Cường¹, Lê Thị Dung²

Tóm tắt. Giảng viên trẻ dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh là thế hệ kế cận, nối tiếp các giảng viên đi trước, họ giữ vai trò hết sức quan trọng trong công tác nghiên cứu, quản lý, giảng dạy. Với tuổi đời, tuổi nghề còn trẻ, kinh nghiệm, trải nghiệm thực tế còn chưa nhiều họ thường gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Nội dung bài viết nhằm tìm ra những thuận lợi và khó khăn của đội ngũ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ trong công tác nghiên cứu khoa học. Từ đó đưa ra một số giải pháp tạo động lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên trẻ giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh.

Từ khóa: Giảng viên, động lực, nghiên cứu khoa học, giáo dục quốc phòng và an ninh.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục quốc phòng và an ninh [1] là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên. Môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh giữ vai trò chủ chốt trong việc giáo dục ý thức trách nhiệm của học sinh, sinh viên góp phần thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân [2]. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trọng yếu này thì đội ngũ nhà giáo giữ vai trò cốt yếu. “Lực lượng nhà giáo là yếu tố quan trọng nhất, nền tảng nhất, cốt lõi nhất quyết định chất lượng của giáo dục” [3]. Song hành cùng hoạt động giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học [4] có tầm quan trọng đặc biệt trong giáo dục đào tạo. Nghiên cứu khoa học không những góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn tạo ra những tri thức mới, sản phẩm mới phục vụ cho sự phát triển của nhân loại. Với tầm quan trọng như vậy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam có nêu: “Các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống”. Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 cũng đã chỉ rõ: “Phát triển khoa học công nghệ cùng với giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Khoa học và công nghệ phải đóng vai trò chủ đạo để tạo bước phát triển đột phá về lực lượng sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [5]. Đồng thời, Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, theo đó mỗi giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên sẽ được sử dụng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan.

Ngày nhận bài: 07/02/2024. Ngày nhận đăng: 22/04/2024.

¹Trường Đại học Công đoàn; e-mail: cuongnq@dhcd.edu.vn

²Trường Đại học Công đoàn; e-mail: dunglt@dhcd.edu.vn

Tác giả liên hệ: Nguyễn Quốc Cường. Địa chỉ e-mail: cuongnq@dhcd.edu.vn

***Vai trò của hoạt động nghiên cứu khoa học**

Đội ngũ nhà giáo là người trực tiếp giảng dạy, quản lý người học, đồng thời là người tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Các nhiệm vụ đó quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau; nếu chỉ thực hiện một trong ba nhiệm vụ ấy người thầy chưa hoàn thành nhiệm vụ của mình. Vì vậy, nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng không thể thiếu của mỗi thầy giáo, cô giáo. Nếu nghiên cứu khoa học có hiệu quả sẽ giúp giảng viên nâng cao trình độ, kiến thức, phát triển tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự làm việc; nâng cao chất lượng giảng dạy, đổi mới phương pháp và công tác chuyên môn, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, vị thế và uy tín của đơn vị. Mặt khác, thông qua nghiên cứu khoa học, người thầy cũng từng bước hình thành và tôi luyện thêm những tố chất, bản lĩnh của người cán bộ khoa học.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói rằng: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” [7]. Để có lợi ích trăm năm của dân tộc, vai trò của người thầy thật quan trọng trong mọi thời đại, mọi chế độ. Thầy có giỏi mới có thể giáo dục, tạo ra những lớp học trò giỏi - nguồn lực lâu dài để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, công tác nghiên cứu khoa học giữ vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đặc biệt là đội ngũ trẻ, đưa ra các giải pháp tạo động lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên trẻ, từ đó nâng cao năng lực đào tạo, uy tín của đơn vị là nhiệm vụ quan trọng mà mỗi nhà trường cần phải làm.

2. Thực trạng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên trẻ giảng dạy môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh**2.1. Thuận lợi của đội ngũ giảng viên trẻ giảng dạy môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh khi tham gia nghiên cứu khoa học**

Thứ nhất, đội ngũ giảng viên trẻ giảng dạy Giáo dục Quốc phòng và An ninh có sức trẻ, năng động, nhiệt huyết, có ý chí rèn luyện phấn đấu để nâng cao năng lực chuyên môn, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học. Đây điểm mạnh đặc trưng của đội ngũ trẻ.

Thứ hai, lực lượng giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ được các cơ quan, đơn vị quan tâm, tạo điều kiện cho tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, về hoạt động nghiên cứu khoa học, từ đó làm nền tảng để họ tiếp thu những kiến thức mới về chuyên ngành, liên ngành, từ đó ứng dụng vào hoạt động giảng dạy chuyên môn, làm cho hoạt động, nội dung giảng dạy sinh động, hấp dẫn và dễ truyền tải tới người học hơn.

Thứ ba, đội ngũ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ được đào tạo có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn có ý thức trau dồi kiến thức, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của bản thân. Nhiệt huyết, yêu nghề, luôn có thái độ nghiêm túc chuẩn mực trong công tác chuyên môn và công tác nghiên cứu khoa học.

Thứ tư, đội ngũ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ có trình độ ngoại ngữ, tin học tốt tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm kiến thức phục vụ công tác chuyên môn và hoạt động nghiên cứu khoa học.

2.2. Khó khăn của đội ngũ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ khi tham gia nghiên cứu khoa học

Với sức trẻ, được sự quan tâm, động viên, tạo điều kiện của cơ quan nơi công tác trong hoạt động chuyên môn và hoạt động nghiên cứu khoa học mang đến nhiều thuận lợi cho đội ngũ giảng viên trẻ trong công tác nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên với tuổi đời còn trẻ, tuổi nghề còn non yếu đội ngũ nhà giáo trẻ này còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

Thứ nhất, do tuổi đời, tuổi nghề còn trẻ nên kinh nghiệm, trải nghiệm thực tế của đội ngũ này còn chưa nhiều. Kiến thức chuyên ngành, liên ngành, kiến thức về nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Giảng viên trẻ thường là những người mới bắt đầu sự nghiệp nghiên cứu và chưa tích lũy đủ kinh nghiệm trong việc xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học cá nhân và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Giảng viên giáo

dục quốc phòng và an ninh trẻ mới là những lực lượng mới ra trường, mới bước chân vào nghề nên kinh nghiệm, trải nghiệm, mối quan hệ giao lưu, hợp tác với các chuyên gia, đồng nghiệp trong lĩnh vực giáo dục quốc phòng và an ninh và các lĩnh vực có liên quan còn hạn chế. Điều này có thể làm cho quá trình tham gia nghiên cứu khoa học trở nên khó khăn.

Thứ hai, có thể khẳng định rằng, nguồn thu nhập chính yếu của các giảng viên đại học hiện nay đến từ việc giảng dạy. Việc nghiên cứu khoa học vừa tốn nhiều thời gian, công sức, trong khi thu nhập lại ít ỏi; kinh phí phục vụ cho những đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên không nhiều. Đây cũng là điểm bất cập, gây khó khăn cho công tác phát triển nghiên cứu khoa học trong đội ngũ giảng viên trẻ giảng dạy giáo dục quốc phòng và an ninh. Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học chưa đồng đều, thiếu chuyên gia đầu ngành trong nhiều lĩnh vực và chưa đủ sức đảm nhiệm các nhiệm vụ nghiên cứu có tầm cỡ khu vực và quốc tế.

Thứ ba, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ thường phải chịu áp lực của việc giảng dạy, quản lý sinh viên và tham gia vào các hoạt động khác trong trường học. Điều này có thể làm giảm thời gian nghiên cứu khoa học của họ.

Thứ tư, một bộ phận giảng viên trong quá trình nghiên cứu khoa học do còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ, nên trong quá trình tham khảo tài liệu để làm đề tài còn quá lệ thuộc vào Internet. Các tài liệu giảng viên sử dụng đều bằng tiếng Việt, do các nhà nghiên cứu trong nước biên soạn, hoặc dịch lại từ nguyên bản tiếng nước ngoài. Vì vậy, tính thiết thực của tài liệu sử dụng giảm đi rất nhiều và nội dung của các công trình nghiên cứu còn chưa phong phú.

3. Giải pháp tạo động lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên trẻ giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh

3.1. Giải pháp tạo môi trường hỗ trợ nghiên cứu

Xây dựng một môi trường làm việc khuyến khích và ủng hộ nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục quốc phòng và an ninh. Đơn vị quản lý có thể cung cấp nguồn lực và trang thiết bị cần thiết, tạo điều kiện để giảng viên trẻ tiếp cận thông tin mới nhất, và khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong nghiên cứu. Để tạo môi trường thuận lợi cho giảng viên trẻ dạy học môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh tham gia nghiên cứu khoa học, đơn vị quản lý nên đầu tư vào cơ sở vật chất và công nghệ phục vụ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học; xây dựng mạng lưới hợp tác và giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục quốc phòng và an ninh và các lĩnh vực liên quan. Khuyến khích giảng viên trẻ đăng bài báo, tham gia hội thảo và diễn đàn chuyên ngành, và chia sẻ kết quả nghiên cứu của mình. Việc này giúp họ xây dựng danh tiếng cá nhân, tăng khả năng tiếp cận nguồn hỗ trợ và cơ hội trao đổi với cộng đồng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục quốc phòng và an ninh và những lĩnh vực liên quan.

3.2. Giải pháp thúc đẩy hợp tác và giao lưu

Hợp tác và giao lưu sẽ tạo cơ hội để giảng viên trẻ dạy học môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh có thể hợp tác với các chuyên gia, nhà nghiên cứu, và đồng nghiệp trong lĩnh vực giáo dục quốc phòng và an ninh. Thông qua việc giao lưu ý kiến, trao đổi kinh nghiệm và kết nối với cộng đồng nghiên cứu, giảng viên trẻ có thể mở rộng mạng lưới liên kết, tìm kiếm cơ hội hợp tác, và học hỏi từ những người có kinh nghiệm. Để thúc đẩy hợp tác và giao lưu cho đội ngũ giảng viên trẻ dạy học môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh, có thể tham gia vào mạng lưới chuyên gia hoặc nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực quân sự, giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc các lĩnh vực có liên quan; tham gia vào dự án nghiên cứu chuyên ngành giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc liên ngành; tham gia vào hội thảo và hội nghị.

3.3. Giải pháp khuyến khích đổi mới sáng tạo

Khuyến khích đội ngũ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ thử nghiệm ý tưởng mới và có cái nhìn sáng tạo trong công việc, nghiên cứu các giải pháp đột phá và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, từ đó vận dụng kết quả nghiên cứu nâng cao hiệu quả công việc giảng dạy mà đội ngũ này đảm nhiệm. Để khuyến khích đội ngũ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ đổi mới và sáng tạo phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể thiết lập chính sách khuyến khích và đánh giá công việc nghiên cứu cho giảng viên; tạo ra một môi trường làm việc thân thiện, nơi giảng viên được khuyến khích chia sẻ ý tưởng, góp ý và hỗ trợ lẫn nhau.

3.4. Giải pháp cung cấp hỗ trợ tài chính

Hỗ trợ tài chính là yếu tố quan trọng để tạo động lực nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ. Cung cấp tài chính hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu, họ có thể tiếp cận các thiết bị, vật chất và công cụ cần thiết để thực hiện nghiên cứu một cách hiệu quả; thúc đẩy khám phá và đổi mới, cho phép họ thực hiện những dự án nghiên cứu độc lập và thúc đẩy sự đổi mới trong lĩnh vực của mình công tác; cung cấp tài chính giúp cho đội ngũ giảng viên trẻ dễ dàng tiếp cận thông tin và tài nguyên cần thiết để phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và giảng dạy chuyên môn.

3.5. Giải pháp công nhận và khen thưởng

Tạo cơ chế công nhận và khen thưởng cho giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ khi họ đạt được thành tựu trong lĩnh vực nghiên cứu. Động viên khen thưởng với giảng viên trẻ trong nghiên cứu khoa học là rất yếu tố rất quan trọng và có ảnh hưởng tích cực tới đội ngũ giảng viên trẻ dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh: Khuyến khích họ cống hiến, khen thưởng là một phương tiện hiệu quả để khuyến khích giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ trong công việc nghiên cứu khoa học và giảng dạy; tạo động lực và sự tự tin; Khi được động viên và khen ngợi, đội ngũ giảng viên trẻ sẽ nhận thấy giá trị và ý nghĩa của công việc nghiên cứu khoa học của mình; xây dựng tinh thần đồng đội: Nó tạo ra một môi trường tích cực, khích lệ sự chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ và hợp tác giữa các thành viên trong cơ quan, đơn vị; gợi mở ý tưởng mới: Khen thưởng có thể là một cách để khuyến khích giảng viên trẻ đưa ra ý tưởng mới và mở thêm không gian cho sự sáng tạo; xây dựng niềm tin từ cơ quan quản lý: Khen thưởng từ cơ quan quản lý giáo dục và các tổ chức liên quan tạo ra niềm tin và lòng tin tưởng vào khả năng và tiềm năng của giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh trẻ.

4. Kết luận

Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ rất quan trọng với đội ngũ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh, đặc biệt là đội ngũ trẻ. Họ là thế hệ kế cận, tiếp bước các giảng viên đi trước. Nghiên cứu khoa học có hiệu quả sẽ giúp giảng viên nâng cao trình độ, kiến thức, phát triển tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự làm việc; nâng cao năng lực giảng dạy, đổi mới phương pháp và công tác chuyên môn, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, vị thế và uy tín của đơn vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và xã hội 2015. Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH. Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.
- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2020). Thông tư 46/2020/TT-BGDĐT. Ban hành chương trình môn giáo dục quốc phòng và an ninh cấp trung học phổ thông.
- [3] Đảng cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần XIII. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Vũ Cao Đàm (1999). Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB Khoa học và Kỹ thuật, tr.20.

- [5] Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020.
- [6] Quốc hội 2005.Số 50/2005/QH11. Luật Sở hữu trí tuệ.
- [7] Trang thông tin điện tử Viện KSND tỉnh Hải Dương 2016. Tìm hiểu về nguồn gốc câu nói “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”.

ABSTRACT

Research motivation for young lecturers teaching the subject of national defense and security education

Lecturers responsible for instructing national defense and security education symbolize the emerging generation, inheriting the legacy of their predecessors. They hold pivotal roles in research, administration, and pedagogy. Despite their youth and relatively limited experience, they frequently confront challenges in management, teaching, and scholarly inquiry. This article seeks to delineate the strengths and obstacles encountered by this cohort of educators in their pursuit of scientific research. Through this examination, the article proffers a range of solutions designed to cultivate research motivation among these individuals, thereby enriching the landscape of national defense and security education.

Keywords: *Lecturer, motivation, scientific research, national defense and security education.*